

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Quyên.

Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 29/4/2025 và ngày 19/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Phan Quốc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Chị Đ mặt có đơn, anh T vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Đ:* Vào năm 2017, chị Đ và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên là Phan Thị Như Ý, sinh ngày 01/4/2019 và Phan Phi L ngày 10/6/2021. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, mục đích

hôn nhân không đạt được cho nên chị Đ anh T đã ly thân cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa. Vì vậy, nay chị Đồng khởi K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn (Phan Quốc T):

+ Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Phan Quốc T

+ Về con chung: Chị Trần Thị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên là Phan Phi L ngày 10/6/2021 (Hiện cháu L đang sống chung với chị Đ), chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Còn con chung tên Phan Thị Như Ý, sinh ngày 01/4/2019 (hiện cháu Ý đang sống chung với anh T chị Đ ý để anh Tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Quốc T: Đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến và không có mặt tại phiên Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị Đ được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định nhưng chị Đ có đơn xin vắng mặt. Còn riêng anh Phan Quốc T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định tại các Điều 177 và 179 Bộ luật tố tụng dân sự mà anh T vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Đ là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2017, chị Đ và anh T tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp Do

đó, hôn nhân giữa chị Đ và anh T hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Đ cho rằng trong khoảng thời gian chung sống giữa chị Đ và anh T xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, cho nên chị Đ và anh T ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân giữa chị Đ và anh T cũng không có liên lạc. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T5 anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Đ cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của chị Đ nên yêu cầu của chị Đ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 91 và 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng giữa chị Đ và anh T mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Đ yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Phi L ngày 10/6/2021. Hiện nay cháu L đang sống chung với chị Đ từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh T không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Đ được tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận cho chị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Phi L ngày 10/6/2021.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Còn đối với con chung tên là Phan Thị Như Ý, sinh ngày 01/4/2019 thì theo lời trình bày của chị Đ5 cháu Ý đang sống chung với anh T nên chị Đ ý để cháu Ý cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không đến Tòa án để có ý kiến việc này. Do đó, xét yêu cầu của chị Đ được chấp nhận. Anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Thị Như Ý, sinh ngày 01/4/2019.

Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Đ theo quy định tại các điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Phan Thị Như Ý và cháu Phan Phi L) do chị Đ yêu cầu và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý. Còn anh T có mặt tại Tòa án để có ý kiến về có yêu cầu chị Đ cấp D nuôi con chung tên là Phan Thị Như Ý hay không và anh T9 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên là Phan Phi L hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trong trường hợp sau khi vụ việc này được giải quyết nếu anh T yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ việc khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Cho nên chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Phan Quốc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Phan Quốc T

2. Về con chung:

- Chị Trần Thị Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Phi L ngày 10/6/2021. Anh Phan Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở. Chị Trần Thị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T

- Anh Phan Quốc T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Thị Như Ý, sinh ngày 01/4/2019. Chị Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Phan Quốc T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Trần Thị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Phan Thị Như Ý và cháu Phan Phi L1) do chị Đ yêu cầu và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xử lý. Còn anh T có mặt tại Tòa án để có ý kiến về có yêu cầu chị Đ cấp D nuôi con chung tên là Phan Thị Như Ý hay không và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên là Phan Phi L hay không nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Trần Thị Đ có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0010292 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Đ đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Quốc T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã Thông Bình, huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư